

Số: 2500/GP-UBND

Sơn La, ngày 25 tháng 10 năm 2016

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG T.SƠN LA	
ĐẾN	Số:.....82.15.....
	Ngày:.....02.11.16.....
	Chuyển: P. T.N. Nước.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 02/2009/TT-BTNMT ngày 19/3/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 29/8/2016 của Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu; Tờ trình số 694/TTr-STNMT ngày 14/10/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu (địa chỉ: Tiểu khu 21, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La) xả nước thải vào nguồn nước với những nội dung sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Suối Muội tại tiểu khu 21, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

2. Vị trí xả nước thải: Sau hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trực 104^0 , múi chiếu 3^0): $X = 2370849$; $Y = 468144$.

3. Phương thức xả thải: Tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải: 24 h/ngày.

5. Lưu lượng xả nước thải:

- Lưu lượng xả trung bình: $92,0 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (tương đương $3,83 \text{ m}^3/\text{h}$).
- Lưu lượng xả lớn nhất: $104 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (tương đương $4,33 \text{ m}^3/\text{h}$).

6. Chất lượng nước thải: Giới hạn các thông số và nồng độ các chất ô nhiễm chính có trong nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT, cột A (hệ số $K = 1,2$), cụ thể như bảng sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 28:2010/BTNMT cột A, $K = 1,2$)
1	pH	-	6,5 - 8,5
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36
3	COD	mg/l	60
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12
10	Tổng coliforms	MPN/100ml	3000
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH

7. Thời hạn của giấy phép: 07 năm (bảy năm) kể từ ngày UBND tỉnh ký Giấy phép.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 giấy phép này. Mọi nội dung thay đổi phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các yêu cầu cụ thể sau đây:

a) Thực hiện quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:

- Nước thải sau khi xử lý: 01 điểm tại vị trí sau hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Tần suất quan trắc 03 tháng/lần theo quy định tại Điều 8, thông số quan trắc theo Điều 4 Thông tư số 31/2013/TT-BYT ngày 15/10/2013 của Bộ Y tế Quy định về quan trắc tác động môi trường từ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: 01 điểm tại suối Muội sau vị trí tiếp nhận nước thải của Bệnh viện. Tần suất 06 tháng/lần, thông số và kết quả so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A₂.

b) Thu gom, xử lý nước thải theo đúng thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép; bảo đảm các thông số chất lượng nước thải sau xử lý luôn đạt qui định tại khoản 6 Điều 1 Giấy phép này trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận. Trường hợp có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu qui định thì phải ngừng ngay việc xả nước thải để khắc phục.

c) Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép.

d) Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý tài nguyên môi trường về các vấn đề có liên quan tới xả nước thải vào nguồn nước. Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, phòng ngừa, khắc phục sự cố trong quá trình xả nước thải vào nguồn nước. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới môi trường nguồn nước do hoạt động xả thải gây ra.

đ) Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Sơn La (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về tình hình sử dụng nước, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Giấy phép này.

Điều 3. Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. /*xt*

Nơi nhận:

- TT tỉnh ủy;
- TT UBND tỉnh; | (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Quản lý TNN - Bộ TN&MT;
- Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Y tế;
- Cục thuế tỉnh;
- UBND huyện Thuận Châu;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Bệnh viện đa khoa huyện Thuận Châu;
- Bộ phận 01 cửa – Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 25 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hải